

LÝ LỊCH KHOA HỌC



Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC TUẤN
Chuyên môn: Dược
Học vị: Tiến sĩ
Chức danh: Giảng viên cao cấp, Giáo sư
Chức vụ:
- Phó Trưởng Khoa Dược
- Trưởng Bộ môn Phân tích – Kiểm nghiệm

Quá trình đào tạo

- Năm 1992: Dược sĩ đại học, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh
- Năm 1997: Tiến sĩ, Đại học Innsbruck, cộng hòa Áo
- Năm 2000: Hậu tiến sĩ, Đại học Innsbruck, cộng hòa Áo
- Năm 2007: Hậu tiến sĩ, Đại học Osaka, Nhật
- Năm 2017: Hậu tiến sĩ, Đại học Innsbruck, cộng hòa Áo

Quá trình công tác

- Tháng 12/2019 – nay: Phó Trưởng Khoa Dược, Trưởng Bộ môn Phân tích – Kiểm nghiệm
- Tháng 9/2016 – nay: Giảng viên cao cấp, Bộ môn Phân tích – Kiểm nghiệm, Khoa Dược – Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh
- Tháng 9/2014 – 02/2020: Trưởng Đơn vị Đảm bảo chất lượng Giáo dục, Khoa Dược
- Năm 2007 – 11/2019: Phó Trưởng Bộ môn Phân tích – Kiểm nghiệm, Khoa Dược – Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh
- Năm 2012 – 2017: Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo và nghiên cứu phát triển thuốc có nguồn gốc tự nhiên
- Năm 2006 – 8/2016: Giảng viên chính, Bộ môn Phân tích – Kiểm nghiệm, Khoa Dược – Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh
- Năm 2000 – 2005: Giảng viên, Bộ môn Phân tích – Kiểm nghiệm, Khoa Dược – Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh
- Năm 1998 – 1999: Giảng viên, Bộ môn Sinh hóa, Khoa Dược – Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh
- Năm 1993 – 1994: Trợ lý giảng dạy, Bộ môn Sinh hóa, Khoa Dược – Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

Lĩnh vực nghiên cứu

Lĩnh vực nghiên cứu chính

1. Tiêu chuẩn hóa nguyên liệu và thành phẩm nhằm mục tiêu đưa vào Dược điển Việt Nam
2. Ứng dụng các phương pháp hóa lý để phân tích dược chất, chất chuyển hóa và chất đánh dấu sinh học trong dịch sinh học và phân tích các thuốc đa thành phần
3. Tổng hợp và tiêu chuẩn hóa tác nhân quang hoạt để ứng dụng trong phân tích các chất quang hoạt bằng phương pháp sắc ký lỏng và điện di mao quản
4. Tổng hợp và tiêu chuẩn hóa các dẫn chất quang hoạt *cis*-N-alkyl phthalazinon có tác dụng kháng viêm
5. Phân lập và tiêu chuẩn hóa các chất đánh dấu để ứng dụng trong kiểm nghiệm dược liệu, thuốc dược liệu và thực phẩm chức năng
6. Điều chế và thiết lập chất đối chiếu để ứng dụng trong kiểm nghiệm tạp chất liên quan
7. Nghiên cứu mối liên quan giữa tính chất gắn kết và chuyển hóa thuốc của cytochrom P4502C9 và các dạng đột biến đơn nucleotid

8. Xây dựng quy trình định lượng bằng kỹ thuật HPLC và CE với sự trợ giúp bởi phần mềm thông minh
9. Nghiên cứu kiểm soát chất lượng sản phẩm pha chế theo đơn tại bệnh viện

Các hướng đề tài dự kiến hướng dẫn luận án, luận văn trong những năm tới

1. Tiêu chuẩn hóa nguyên liệu và thành phẩm nhằm mục tiêu đưa vào Dược điển Việt Nam
2. Ứng dụng các phương pháp hóa lý để phân tích dược chất, chất chuyển hóa và chất đánh dấu sinh học trong dịch sinh học và các thuốc đa thành phần
3. Tổng hợp và tiêu chuẩn hóa tác nhân quang hoạt để ứng dụng trong phân tích các chất quang hoạt bằng phương pháp sắc ký lỏng và điện di mao quản
4. Phân lập và tiêu chuẩn hóa các chất đánh dấu để ứng dụng trong kiểm nghiệm dược liệu, thuốc dược liệu và thực phẩm chức năng
5. Tổng hợp và thiết lập chất đối chiếu để ứng dụng trong kiểm nghiệm tạp chất liên quan
6. Nghiên cứu kiểm soát chất lượng sản phẩm pha chế theo đơn tại bệnh viện
7. Xây dựng quy trình định lượng bằng kỹ thuật HPLC và CE với sự trợ giúp bởi phần mềm thông minh
8. Nghiên cứu mối liên quan giữa tính chất gắn kết và chuyển hóa thuốc của cytochrom P450C9 và các dạng đột biến đơn nucleotid

Các công trình đã công bố

Bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước

1. A. Zemmann, D.T. Nguyen, G. Bonn (1997), Fast separation of underivatized carbohydrates by co-electroosmotic capillary electrophoresis, *Electrophoresis*, 18, 1142 – 1147.
2. D.T. Nguyen, H. Lerch, A. Zemmann, G. Bonn (1997), Separation of derivatized carbohydrates by co-electroosmotic capillary electrophoresis, *Chromatographia* Vol. 46, No. 3/4, 113 – 121.
3. Nguyễn Đình Nga, Nguyễn Thị Vân Hà, Nguyễn Đức Tuấn, Hồ Thị Đoan Trang, Tô Thị Ngọc Yến (2000), Ổn định phương pháp xác định hoạt lực các chất kháng nấm trên nấm sợi, *Tạp chí Y học TP.HCM*, phụ bản số 1, tập 4-2000, 47-51.
4. Wolfgang Gutleben, Nguyen Duc Tuan, et al (2001), Capillary electrophoretic separation of protease inhibitors used in human immunodeficiency virus therapy, *Journal of Chromatography A*, 922, 313 – 320.
5. Wolfgang Gutleben, Karin Scherer, Nguyen Duc Tuan, et al (2002), Simultaneous separation of 11 protease and reverse transcriptase inhibitors for human immunodeficiency virus therapy by co-electroosmotic capillary zone electrophoresis, *Journal of Chromatography A*, 982, 153 – 161.
6. Trần Thị Minh Hào, Nguyễn Đức Tuấn (2002), Khảo sát độ giải phóng hoạt chất của viên nang amoxicillin, *Tạp chí Y học Tp.HCM*, tập 6 phụ bản của số 4-2002, 272 - 277.
7. Trương Công Trị, Nguyễn Đức Tuấn, Nguyễn Thị Hồng Hoa (2002), Định lượng chlorpheniramin trong các chế phẩm đơn và đa thành phần bằng phương pháp quang phổ, *Tạp chí Y học Tp.HCM*, tập 6 phụ bản của số 4-2002, 278 - 283.
8. Trịnh Biên Thùy, Nguyễn Đức Tuấn (2002), Định lượng loperamid trong viên nén và viên nang bằng phương pháp quang phổ đạo hàm bậc 1, *Tạp chí Y học Tp.HCM*, tập 6 phụ bản của số 4-2002, 284 - 288.
9. Nguyễn Thị Mộng Thùy, Nguyễn Đức Tuấn (2002), Góp phần xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm viên nén nimesulid, *Tạp chí Y học Tp.HCM*, tập 6 phụ bản của số 4-2002, 289 - 293.
10. Wolfgang Gutleben, Karin Scherer, Nguyen Duc Tuan, et al (2003), Separation of 11 protease and reverse transcriptase inhibitors by capillary electrophoresis, *Journal of Separation Science*, 26, 1198 – 1202.

11. Nguyen Duc Tuan, et al (2003), Simultaneous separation of fifteen approved protease and reverse transcriptase inhibitors for human immunodeficiency virus therapy by capillary electrophoresis, *Electrophoresis*, 24, 662 – 670.
12. Nguyễn Thị Mộng Thùy, Nguyễn Đức Tuấn (2003), Định lượng nimesulid trong viên nén bằng phương pháp quang phổ đạo hàm bậc hai, *Tạp chí Dược học* số 4-2003, 16 – 18.
13. Nguyễn Thị Chung, Trần Ngọc Nhung, Nguyễn Đức Tuấn (2003), Nghiên cứu kỹ thuật điều chế gel ketoprofen, *Tạp chí Dược học* số 9-2003, 21 – 23, 35.
14. Nguyễn Đức Tuấn, Mai Huỳnh Anh (2003), Nghiên cứu kỹ thuật điều chế gel erythromycin, *Tạp chí Y học Tp.HCM*, tập 7 phụ bản của số 4-2003, 243 - 247.
15. Huỳnh Thị Hồng Diễm, Nguyễn Đức Tuấn (2003), Thẩm dò qui trình chiết xuất công nghiệp và góp phần xây dựng tiêu chuẩn cao đặc Râu Mèo, *Tạp chí Y học Tp.HCM*, tập 7 phụ bản của số 4-2003, 248 - 253.
16. Nguyễn Thị Chung, Nguyễn Đức Tuấn, Trần Ngọc Nhung (2004), Tiêu chuẩn hóa chế phẩm gel ketoprofen, *Tạp chí Dược học* số 1 – 2004, 21 – 24.
17. Lâm Tường Vi, Nguyễn Đức Tuấn, Nguyễn Hữu Đức (2004), Góp phần tiêu chuẩn hóa cao khô rau má – nghệ, *Tạp chí Dược học* số 3+4 – 2004, 23-26.
18. Mai Huỳnh Anh, Nguyễn Đức Tuấn (2004), Tiêu chuẩn hóa chế phẩm gel erythromycin, *Tạp chí Dược học* số 6 – 2004, 23-26.
19. Trịnh Biên Thùy, Nguyễn Đức Tuấn (2004), Định lượng loperamid trong các chế phẩm bằng phương pháp acid màu, *Tạp chí Dược học* số 9 – 2004, 13-15, 26.
20. Lê Thị Thanh Trà, Lê Thị Thu Cúc, Nguyễn Ngọc Vinh, Nguyễn Đức Tuấn (2004), Định lượng celecoxib trong các chế phẩm bằng phương pháp điện di mao quản, *Tạp chí Dược học* số 10 – 2004, 16-20.
21. Trịnh Thị Thu Loan, Lê Quan Nghiệm, Đặng Văn Giáp, Phạm Thị Thanh Liễu, Nguyễn Thanh Sang, Nguyễn Đức Tuấn (2005), Nghiên cứu định lượng amoxicillin và acid clavulanic trong huyết thanh người bằng phương pháp HPLC, *Tạp chí Dược học* số 9-2005, 23-26.
22. Phạm Văn Sơn, Nguyễn Đức Tuấn (2007), Định lượng đồng thời stavudin, lamivudin và nevirapin trong chế phẩm đa thành phần bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao với đầu dò dây diod quang, *Tạp chí Dược học* số 12-2007, 36-39.
23. Nguyễn Thị Ngọc Vân, Nguyễn Đức Tuấn (2008), Xây dựng quy trình xác định dư lượng thuốc trừ sâu diazinon, chlorpyrifos, alpha cypermethrin và fenvalerat phun trên rau bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao với đầu dò dây diod quang, *Tạp chí Dược học* số 2-2008, 16-21, 27.
24. Nguyễn Xuân Lý, Lê Thị Thu Cúc, Nguyễn Ngọc Vinh, Nguyễn Đức Tuấn (2008), Phân tích lamivudin và tạp đồng phân bằng phương pháp điện di mao quản, *Tạp chí Dược học* số 5-2008, 38-42.
25. Trần Thị Thu Thủy, Nguyễn Đức Tuấn (2008), Định lượng đồng thời paracetamol, cafein và clorpheniramin trong chế phẩm đa thành phần bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao với đầu dò dây diod quang, *Tạp chí Dược học* số 6-2008, 24-27.
26. Đỗ Thị Minh Thuận, Nguyễn Đức Tuấn (2008), Định lượng flavonoid toàn phần trong cao bạch quả và viên bao phim O.P. CAN® bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao, *Tạp chí Dược học* số 8-2008, 21, 25-29.
27. Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, Nguyễn Đức Tuấn (2008), Xây dựng quy trình định lượng và khảo sát độ ổn định viên nén meloxicam bằng phương pháp HPLC với đầu dò PDA, *Tạp chí Dược học* số 10-2008, 18-23.
28. Tô Huỳnh Thư, Nguyễn Ngọc Vinh, Nguyễn Đức Tuấn (2008), Đánh giá tương đương sinh học của viên nén Tatanol extra chứa paracetamol và ibuprofen, *Tạp chí Dược học* số 12-2008, 7-12.

29. Nguyễn Đăng Thoại, Đỗ Thị Minh Thuận, Hoàng Minh Châu, Nguyễn Thiện Hải, Nguyễn Đức Tuấn (2009), Khảo sát ảnh hưởng của eudragit NE 30D đến khả năng giải phóng hoạt chất của nang chứa cao bạch quả (*Ginkgo biloba*), Tạp chí Dược học số 1-2009, 19-22.
30. Nguyễn Đăng Thoại, Trần Ngọc Dân, Đỗ Thị Minh Thuận, Hoàng Minh Châu, Nguyễn Thiện Hải, Nguyễn Đức Tuấn (2009), Xây dựng công thức cho chế phẩm chứa cao bạch quả (*Ginkgo biloba*) dùng một liều trong ngày, Tạp chí Y học TP HCM, tập 13, phụ bản số 1/2009, 68-72.
31. Nguyễn Đăng Thoại, Trần Ngọc Dân, Đỗ Thị Minh Thuận, Hoàng Minh Châu, Nguyễn Thiện Hải, Nguyễn Đức Tuấn (2009), Xây dựng qui trình định lượng flavonoid toàn phần trong cao bạch quả, viên bao phim O.P.Can và quercetin trong huyết tương người bằng phương pháp HPLC, Tạp chí Y học TP HCM, tập 13, phụ bản số 1/2009, 78-83.
32. Đoàn Văn Khánh, Nguyễn Đức Tuấn (2009), Định lượng đồng thời paracetamol, clorpheniramin, dextromethorphan và pseudoephedrin trong chế phẩm đa thành phần bằng phương pháp HPLC với đầu dò dãy diod quang, Tạp chí Y học TP HCM, tập 13, phụ bản số 1/2009, 120-126.
33. Hứa Hoàng Oanh, Nguyễn Đức Tuấn (2009), Định lượng salbutamol trong huyết tương người bằng phương pháp HPLC, Tạp chí Y học TP HCM, tập 13, phụ bản số 1/2009, 127-130.
34. Thái Duy Ngọc, Nguyễn Đức Tuấn (2009), Xác định một số phẩm màu hữu cơ tan trong nước có trong tương ớt, Tạp chí Y học TP HCM, tập 13, phụ bản số 1/2009, 247-254.
35. Thái Hồng Hạnh, Cao Thị Cẩm Tú, Trần Thị Quỳnh Chi, Nguyễn Ngọc Vinh, Nguyễn Đức Tuấn (2009), Xây dựng qui trình định lượng amlodipin trong huyết tương người bằng phương pháp LC/MS/MS, Tạp chí Dược học số 2-2009, 25-28.
36. Chương Ngọc Nãi, Nguyễn Ngọc Vinh, Nguyễn Đức Tuấn (2009), Định lượng đồng thời một số thuốc ức chế men chuyển và thuốc lợi tiểu bằng kỹ thuật điện di mao quản vùng, Tạp chí Dược học số 4-2009, 26, 44-48.
37. Chương Ngọc Nãi, Nguyễn Ngọc Vinh, Nguyễn Đức Tuấn (2009), Định lượng đồng thời một số thuốc ức chế beta và thuốc ức chế calci bằng kỹ thuật sắc ký mixen điện động, Tạp chí Dược học số 6-2009, 31-36.
38. Chương Ngọc Nãi, Nguyễn Ngọc Vinh, Nguyễn Đức Tuấn (2009), Định lượng đồng thời atorvastatin, lovastatin và simvastatin bằng kỹ thuật sắc ký mixen điện động, Tạp chí Dược học số 9-2009, 45-50.
39. Lê Thị Thu Cúc, Nguyễn Ngọc Vinh, Đặng Văn Tịnh, Nguyễn Đức Tuấn (2009), Ứng dụng tác nhân đối quang 2-hydroxypropyl beta-cyclodextrin trong phân tích đồng phân amlodipin bằng phương pháp điện di mao quản, Tạp chí Dược học số 10-2009, 8, 41-44.
40. Lê Thị Thu Cúc, Nguyễn Ngọc Vinh, Trần Nguyễn Quỳnh Trang, Đặng Văn Tịnh, Nguyễn Đức Tuấn (2009), Ứng dụng các tác nhân đối quang hydroxyalkyl beta-cyclodextrin trong phân tích đồng phân quang học propranolol bằng phương pháp điện di mao quản, Tạp chí Dược học số 12-2009, 21-25.
41. Lê Tuấn Vũ, Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Văn Đức Tiến, Nguyễn Đức Tuấn (2010), Xây dựng quy trình xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm carbamat thường sử dụng trên rau bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao với đầu dò huỳnh quang, Tạp chí Dược học số 3-2010, 39-45.
42. Nguyễn Thị Ngọc Giàu, Nguyễn Ngọc Thê Trân, Nguyễn Đức Tuấn (2010), Xây dựng quy trình định lượng desloratadin bằng phương pháp HPLC với đầu dò PDA, Tạp chí Dược học số 10-2010, 28-32.
43. Lê Thị Thu Cúc, Từ Thị Minh Tâm, Đặng Văn Tịnh, Nguyễn Đức Tuấn (2010), Ứng dụng các tác nhân đối quang betacyclodextrin và hydroxyalkyl betacyclodextrin trong phân tích

- đồng phân quang học miconazol bằng phương pháp điện di mao quản, Tạp chí Dược học số 11-2010, 39-43.
44. Chương Ngọc Nãi, Trần Thị Nguyên Đăng, Đặng Văn Tịnh, Nguyễn Đức Tuấn (2011), Tiêu chuẩn hóa các dẫn chất quang hoạt cis-n-heptyl-phthalazinon và cis-n-benzyl-phthalazinon có tác dụng kháng viêm, Tạp chí Y học Tp.HCM, Tập 15 phụ bản của số 1, 2011, 13 – 19.
 45. Chương Ngọc Nãi, Trương Ngọc Quỳnh Nhi, Nguyễn Ngọc Vinh, Nguyễn Đức Tuấn, Đặng Văn Tịnh (2011), Tổng hợp, xác định cấu trúc các dẫn chất quang hoạt n-heptyl và n-benzyl của cis(+);cis(-)-4-(3,4-dimethoxyphenyl)hexahydro phthalazinon có tác dụng sinh học, Tạp chí Y học Tp.HCM, Tập 15 phụ bản của số 1, 2011, 359 - 364.
 46. Lê Thị Thu Cúc, Nguyễn Thị Phương Thanh, Nguyễn Đức Tuấn, Đặng Văn Tịnh (2011), Tổng hợp các dẫn chất ester của beta-cyclodextrin, Tạp chí Y học Tp.HCM, Tập 15 phụ bản của số 1, 2011, 365 - 371.
 47. Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, Nguyễn Đức Tuấn, Trần Hùng (2011), Nghiên cứu thành phần alkaloid trong tâm sen (*Nelumbo nucifera* Gaertn Nelumbonaceae), Tạp chí Y học Tp.HCM, Tập 15 phụ bản của số 1, 2011, 606 - 611.
 48. Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, Nguyễn Đức Tuấn, Trần Hùng (2011), Xây dựng qui trình định lượng neferin trong cao chiết alkaloid toàn phần từ tâm sen (*Nelumbo nucifera* Gaertn Nelumbonaceae) bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao với đầu dò dãy diod quang, Tạp chí Y học Tp.HCM, Tập 15 phụ bản của số 1, 2011, 628 - 632.
 49. Trương Quốc Kỳ, Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Văn Đức Tiến, Nguyễn Đức Tuấn (2011), Xây dựng quy trình xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm lân hữu cơ thường sử dụng trên rau bằng phương pháp sắc ký khí với đầu dò ion hóa ngọn lửa phosphor – nitrogen, Tạp chí Dược học số 1-2011, 10-16.
 50. Chương Ngọc Nãi, Trần Thị Nguyên Đăng, Đặng Văn Tịnh, Nguyễn Đức Tuấn (2011), Xác định độ tinh khiết quang học của dẫn chất cis-N-benzyl và cis-N-heptyl phthalazinon bằng phương pháp HPLC sử dụng pha tĩnh bất đối, Tạp chí Dược học số 4-2011, 32-37.
 51. Lê Thị Thu Cúc, Từ Thị Minh Tâm, Đặng Văn Tịnh, Nguyễn Đức Tuấn (2011), Ứng dụng tác nhân đối quang hydroxybutyl beta-cyclodextrin trong phân tích đồng phân quang học ketoconazol bằng phương pháp điện di mao quản, Tạp chí Dược học số 6-2011, 45-49.
 52. Lê Thị Thu Cúc, Từ Thị Minh Tâm, Đặng Văn Tịnh, Nguyễn Đức Tuấn (2011), Ứng dụng tác nhân đối quang hydroxybutyl beta-cyclodextrin trong phân tích đồng phân quang học promethazin bằng phương pháp điện di mao quản, Tạp chí Dược học số 8-2011, 49-53.
 53. Trương Quốc Kỳ, Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Văn Đức Tiến, Nguyễn Đức Tuấn (2011), Xây dựng quy trình xác định dư lượng thuốc trừ sâu dicofol và nhóm pyrethroid thường sử dụng trên rau bằng phương pháp sắc ký khí với đầu dò cộng kết điện tử, Tạp chí Dược học số 10-2011, 33-39.
 54. Lê Thị Hồng Vân, Nguyễn Thị Minh Thảo, Nguyễn Ngọc Khôi, Nguyễn Đức Tuấn, Nguyễn Minh Đức (2012), Simultaneous quantitative analysis of major saponins in Vietnamese Ginseng by HPLC, Tạp chí Dược liệu, tập 17, số 1/2012, 42-47.
 55. Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, Nguyễn Thị Xuân Thương, Trần Hùng, Nguyễn Đức Tuấn (2012), Xây dựng quy trình định lượng đồng thời quercetin, kaempferol, catechin và quercetin-3-O-glucuronid trong lá sen bằng phương pháp HPLC với đầu dò PDA, Tạp chí Dược học số 3-2012, 17-21.
 56. Nguyễn Ngọc Thê Trân, Trịnh Thị Thu Loan, Nguyễn Đức Tuấn, Đặng Văn Giáp (2012), Nghiên cứu bào chế siro desloratadin, Tạp chí Y học thực hành số 818-819/2012, 48-53.
 57. Tho Chau Minh Vinh Do, Tuan Duc Nguyen, Hung Tran, Hermann Stuppner, Markus Ganzera (2012), Quantitative Determination of phenolic compounds in Lotus (*Nelumbo nucifera*) leaves by capillary electrophoresis, Planta Medica, 78, 1796-1799.

58. Chương Ngọc Nãi, Trần Quốc Duy, Đặng Văn Tịnh, Nguyễn Đức Tuấn (2012), Xây dựng phương pháp kiểm nghiệm chất lượng các dẫn chất quang hoạt *cis*-N-heptyl tetrahydro phthalazinon và *cis*-N-benzyl tetrahydro phthalazinon có tác dụng kháng viêm, Tạp chí Dược học số 11-2012, 54-58.
59. Nguyễn Lục Thợ, Nguyễn Thị Chung, Nguyễn Đức Tuấn (2012), Nghiên cứu bào chế viên bao phim glucosamin 750 mg giải phóng nhanh, Tạp chí Y học thực hành số 852-853/2012, 473-476.
60. Đoàn Thị Ngọc Yến, Nguyễn Đức Tuấn (2013), Định lượng đồng thời paracetamol, loratadin và dextromethorphan HBr trong chế phẩm đa thành phần bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao với đầu dò dãy diod quang, Tạp chí Dược học số 01-2013; 25-29.
61. Lê Thị Thu Cúc, Trần Mỹ Khoa, Đặng Văn Tịnh, Nguyễn Đức Tuấn (2013), Tổng hợp 2-O-[(S)-2'-hydroxypropyl]- β -cyclodextrin và 2-O-[(R)-2'-hydroxypropyl]- β -cyclodextrin, Tạp chí Dược học số 03-2013; 47-50.
62. Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, Tô Yến Ngọc, Trần Hùng, Nguyễn Đức Tuấn (2013), Xây dựng qui trình định lượng đồng thời nuciferin, pronuciferin, o-nornuciferin và isoliensinin trong lá sen bằng phương pháp HPLC với đầu dò PDA, Tạp chí Dược học số 05-2013; 27-31.
63. Chương Ngọc Nãi, Vũ Thị Thúy Hà, Đặng Văn Tịnh, Võ Phùng Nguyên, Nguyễn Đức Tuấn (2013), Khảo sát hoạt tính kháng viêm của các dẫn chất quang hoạt *cis*-N-heptyl tetrahydro phthalazinon và *cis*-N-benzyl tetrahydro phthalazinon, Tạp chí Dược học số 06-2013; 38-41,6.
64. Tho Chau Minh Vinh Do, Tuan Duc Nguyen, Hung Tran, Hermann Stuppner, Markus Ganzera (2013), Analysis of alkaloids in Lotus (*Nelumbo nucifera* Gaertn.) leaves by non-aqueous capillary electrophoresis using ultraviolet and mass spectrometric detection, Journal of Chromatography A 1302, 174-180.
65. Lê Thị Hồng Vân, Lê Thị Mai Sương, Nguyễn Ngọc Khôi, Nguyễn Đức Tuấn, Dương Hồng Tố Quyên, Hà Diệu Ly, Nguyễn Minh Đức (2013), Phân lập và thiết lập chất chuẩn majonosid – R2 từ sâm Việt Nam (*Panax vietnamensis* Ha et Grushv.), Tạp chí Dược học số 08-2013; 14-20.
66. Hứa Hoàng Oanh, Trần Ngọc Thùy Dương, Bùi Thị Bích Trâm, Hà Diệu Ly, Bùi Thế Vinh, Trần Công Luận, Nguyễn Đức Tuấn (2014), Phân lập, xác định cấu trúc một số hợp chất tự nhiên từ lá Thông đỏ lá dài (*Taxus wallichiana* Zucc.) và thiết lập chất chuẩn đối chiếu Taxuspine F đã phân lập, Tạp chí Y học Tp.HCM, Tập 18 phụ bản của số 1, 2014, 235 - 242.
67. Lê Thị Thu Cúc, Võ Thị Ngọc Nga, Nguyễn Đức Tuấn (2014), Ứng dụng tác nhân đối quang beta-cyclodextrin và dẫn chất trong phân tích đồng phân quang học cetirizin bằng phương pháp điện di mao quản, Tạp chí Dược học số 02-2014; 29-34.
68. Lê Trung Hậu, Nguyễn Đức Tuấn (2014), Xây dựng quy trình định lượng tạp đồng phân R-omeprazol của esomeprazol bằng phương pháp HPLC, Tạp chí Dược học số 03-2014; 36-41, 46.
69. Trần Quốc Thanh, Lê Quan Nghiệm, Huỳnh Văn Hóa, Lê Hậu, Nguyễn Thiện Hải, Nguyễn Đức Tuấn (2014), Xây dựng qui trình định lượng và khảo sát tốc độ phóng thích hoạt chất của thuốc dán clonidin, Tạp chí Y học TPHCM, tập 18, phụ bản số 2-2014; 7-13.
70. Trần Quốc Thanh, Lê Quan Nghiệm, Huỳnh Văn Hóa, Lê Hậu, Trương Quốc Kỳ, Nguyễn Đức Tuấn (2014), Xây dựng qui trình định lượng clonidin trong huyết tương thỏ bằng phương pháp HPLC với đầu dò PDA, Tạp chí Y học TPHCM, tập 18, phụ bản số 2-2014; 14-20.
71. Chương Ngọc Nãi, Trần Quốc Duy, Đặng Văn Tịnh, Nguyễn Đức Tuấn (2014), Khảo sát hoạt tính kháng viêm của các dẫn chất quang hoạt *Cis*-N-heptyl hexahydro phthalazinon

- và *Cis*-N-benzyl hexahydro phthalazinon, Tạp chí Y học TPHCM, tập 18, phụ bản số 2-2014; 122-127.
72. Chương Ngọc Nãi, Trần Quốc Duy, Đặng Văn Tịnh, Nguyễn Đức Tuấn (2014), Xác định độ tinh khiết quang học của dẫn chất *Cis*-N-benzyl và *Cis*-N-heptyl tetrahydro phthalazinon bằng phương pháp HPLC sử dụng pha tĩnh bất đối, Tạp chí Y học TPHCM, tập 18, phụ bản số 2-2014; 128-133.
 73. Lê Trung Hậu, Nguyễn Đức Tuấn (2014), Xây dựng quy trình định lượng tạp chất phân hủy của esomeprazol bằng phương pháp HPLC, Tạp chí Y học TPHCM, tập 18, phụ bản số 2-2014; 134-138.
 74. Nguyễn Lục Thơ, Nguyễn Thị Chung, Nguyễn Đức Tuấn (2014), Xây dựng quy trình định lượng glucosamin bằng phương pháp HPLC với đầu dò PDA, Tạp chí Y học TPHCM, tập 18, phụ bản số 2-2014; 157-161.
 75. Nguyễn Thị Tú Quyên, Lưu Thảo Phúc Trường, Nguyễn Đức Tuấn (2014), Tiêu chuẩn hóa hợp chất 5-methylthiazol-2-ylamin để làm chất đối chiếu sử dụng trong kiểm nghiệm tạp chất liên quan của meloxicam, Tạp chí Y học TPHCM, tập 18, phụ bản số 2-2014; 175-181.
 76. Lữ Thiện Phúc, Nguyễn Tấn Đạt, Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, Nguyễn Đức Tuấn, Đặng Văn Tịnh (2014), Tổng hợp và xác định độ tinh khiết captopril disulfid, Tạp chí Dược học số 10-2014; 67-71.
 77. Trương Uyên Phương, Nguyễn Thuý Duyên, Nguyễn Đức Tuấn (2014), Định lượng đồng thời clorpheniramin maleat, paracetamol và salicylamid trong chế phẩm đa thành phần bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao; Tạp chí Dược học số 11-2014; 34-39.
 78. Dương Thị Hồng Châu, Lê Thị Thu Cúc, Nguyễn Đức Tuấn (2014), Xây dựng qui trình phân tích đồng phân quang học sulpirid bằng phương pháp điện di mao quản; Tạp chí Dược học số 12-2014; 21-26.
 79. Lữ Thiện Phúc, Trần Văn Mười, Nguyễn Tấn Đạt, Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, Đặng Văn Tịnh, Nguyễn Đức Tuấn (2015), Thiết lập chất đối chiếu captopril disulfid và xây dựng qui trình HPLC định lượng tạp chất captopril disulfid trong nguyên liệu và chế phẩm captopril, Tạp chí Dược học số 2-2015; 18-23.
 80. Hoàng Thị Lan Hương, Đặng Văn Giáp, Nguyễn Đức Tuấn (2015), Xây dựng qui trình định lượng đồng thời một số thuốc kháng HIV trong huyết tương người bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao; Tạp chí Dược học số 4-2015; 30-39.
 81. Trần Văn Mười, Mai Kim Cường, Nguyễn Đức Tuấn, Đặng Văn Tịnh (2015), Tổng hợp và xác định độ tinh khiết quang hoạt của D- α -phenylglycin, Tạp chí Y học TPHCM, tập 19, phụ bản số 3-2015; 459-465.
 82. Lê Thị Thu Cúc, Nguyễn Thị Thảo Phương, Nguyễn Đức Tuấn (2015), Xây dựng quy trình xác định tạp chất liên quan cyanoguanidin của metformin bằng phương pháp điện di mao quản, Tạp chí Y học TPHCM, tập 19, phụ bản số 3-2015; 466-473.
 83. Nguyễn Thị Minh Phương, Trần Ngọc Duy, Đặng Văn Tịnh, Nguyễn Đức Tuấn (2015), Tổng hợp dẫn xuất methyl, carboxymethyl và methoxycarbonyl của beta-cyclodextrin, Tạp chí Y học TPHCM, tập 19, phụ bản số 3-2015; 497-503.
 84. Lê Thị Thu Cúc, Nguyễn Nhật Trường, Nguyễn Đức Tuấn (2015), Xây dựng quy trình phân tách đồng phân quang học sulpirid bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao, Tạp chí Dược học số 12-2015; 27-32.
 85. Mạch Khắc Duy, Nguyễn Đức Tuấn (2016), Thiết lập chất đối chiếu 4-methylbenzensulfonamid (tạp A), 2-nitroso-octahydrocyclopenta[c]pyrrol (tạp B) và xây dựng qui trình HPLC định lượng đồng thời tạp A, tạp B trong chế phẩm gliclazid, Tạp chí Dược học số 2-2016; 40-45.
 86. Hoàng Thùy Linh, Đỗ Quang Dương, Nguyễn Đức Tuấn (2016), Xây dựng yêu cầu kỹ thuật và đánh giá phần mềm quản lý khoa xét nghiệm huyết học theo tiêu chuẩn ISO 15189:2012, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 20, số 2-2016; 31-37.
 87. Nguyễn Thị Mỹ Chân, Văn Kim Thành, Nguyễn Đức Tuấn (2016), Tổng hợp và tiêu chuẩn hóa tạp chất liên quan diketopiperazin (tạp F) của perindopril, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 20, số 2-2016; 151-157.

88. Trần Lưu Vân Đan, Nguyễn Đức Tuấn (2016), Thiết lập chất đối chiếu methylnitrosoindolin (tạp A) và dehydroindapamid (tạp B) và kiểm tra tạp A và tạp B trong chế phẩm indapamid, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 20, số 2-2016; 158-163.
89. Nguyễn Phước Định, Hà Diệu Ly, Nguyễn Đức Tuấn (2016), Thiết lập chất đối chiếu [2-[2-fluoro-4-(1H-1,2,4-triazol-1-yl)phenyl]-1,3-bis(1H-1,2,4-triazol-1-yl)-propan-2-ol] (tạp A) và 1,1'-(1,3-phenylen)di(1H-1,2,4-triazol) (tạp C) và kiểm tra tạp A và tạp C trong nguyên liệu và chế phẩm fluconazol, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 20, số 2-2016; 164-169.
90. Trần Văn Mười, Nguyễn Xuân Thanh, Văn Kim Thành, Nguyễn Đức Tuấn (2016), Tổng hợp và xác định độ tinh khiết của dehydronifedipin (tạp A) và dehydronitroso nifedipin (tạp B) của nifedipin, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 20, số 2-2016; 170-176.
91. Trần Quốc Thanh, Lê Quan Nghiệm, Huỳnh Văn Hóa, Nguyễn Thiện Hải, Lê Hậu, Nguyễn Đức Tuấn (2016), Đánh giá sinh khả dụng trên thỏ của thuốc dán hấp thu qua da chứa clonidin 7,5 mg, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 20, số 2-2016; 293-300.
92. Trần Thanh Mai, Hoàng Ngọc Anh, Lê Thị Thu Cúc, Hoàng Thùy Linh, Nguyễn Đức Tuấn (2016), Góp phần xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật nguyên liệu nọc bò cạp (*Venenom Heterometrus laoticus*), Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 20, số 2-2016; 346-352.
93. Đỗ Nguyên Bình, Phạm Văn Tới, Nguyễn Đức Tuấn (2016), Xây dựng quy trình định lượng đồng thời một số thuốc kháng lao trong huyết tương bệnh nhân đồng nhiễm HIV-lao bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao, Tạp chí Dược học số 3-2016; 14-20.
94. Trần Văn Mười, Nguyễn Xuân Thanh, Văn Kim Thành, Nguyễn Đức Tuấn (2016), Thiết lập chất đối chiếu dehydronifedipin (tạp A), dehydronitroso nifedipin (tạp B) và ứng dụng qui trình HPLC kiểm tra tạp A, tạp B trong chế phẩm, Tạp chí Dược học số 4-2016; 56-60.
95. Trần Thị Như Hoài, Nguyễn Đức Tuấn (2016), Xây dựng phương pháp HPLC để kiểm nghiệm tạp chất liên quan cho thành phẩm perindopril và indapamid, Tạp chí Dược học số 5-2016; 45-51.
96. Nguyễn Thị Linh Tuyền, Đỗ Quang Dương, Lê Thị Cẩm Thúy, Nguyễn Đức Tuấn, Lê Quan Nghiệm (2016), Nghiên cứu bào chế và đánh giá tương đương độ hòa tan *in vitro* viên bao phim chứa metoprolol 50 mg phóng thích kéo dài và amlodipin 5 mg phóng thích nhanh với viên đối chiếu Selomax® 50/5, Tạp chí Dược học số 6-2016; 42-47.
97. Nguyễn Ngọc Nhã Thảo, Lâm Thị Kim Cương, Nguyễn Thị Ngọc Vân, Trịnh Thị Thu Loan, Nguyễn Đức Tuấn (2016), Định lượng đồng thời metformin và sitagliptin trong viên nén hai lớp bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao, Tạp chí Dược học số 8-2016; 21-25.
98. Nguyễn Thùy Linh, Nguyễn Đức Tuấn (2016), Định lượng đồng thời amlodipin và valsartan bằng phương pháp HPLC với đầu dò PDA, Tạp chí Dược học số 11-2016; 35-40.
99. Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, Trần Hùng, Nguyễn Đức Tuấn (2016), Xây dựng qui trình định lượng đồng thời quercitrin, vitexin, scutellarein 7-O- β -D-GlcA methyl ester và quercetin 3-O- β -D-GlcA trong tâm sen bằng phương pháp HPLC với đầu dò PDA, Tạp chí Dược học số 11-2016; 72-75.
100. Lê Thị Thu Cúc, Cao Thị Thu Hà, Nguyễn Đức Tuấn (2016), Xây dựng qui trình phân tích đồng phân quang học (S)-ibuprofen bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao, Tạp chí Dược học số 12-2016; 22-26.
101. Nguyễn Hữu Lạc Thủy, Nguyễn Thị Cẩm, Nguyễn Đức Tuấn (2017), Phân lập chất đánh dấu carthamin từ hoa Hồng Hoa *Carthamus tinctorius* L., Asteraceae, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 21, số 1-2017; 181-185.
102. Nguyễn Thị Minh Phương, Lâm Yến Huệ, Nguyễn Đức Tuấn, Trần Quốc Thanh (2017), Ứng dụng tác nhân đối quang trong phân tách đồng phân tramadol bằng phương pháp điện di mao quản, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 21, số 1-2017; 231-235.
103. Đỗ Thị Xuân Quỳnh, Nguyễn Đức Tuấn (2017), Khảo sát sự phù hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo dược sĩ đại học định hướng chuyên ngành kiểm tra chất lượng thuốc với các bên liên quan, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 21, số 1-2017; 517-522.
104. Trần Vũ Thiên, Lê Thị Thùy Liên, Nguyễn Thị Thùy Trang, Võ Phùng Nguyên, Nguyễn Đức Tuấn, Nguyễn Cửu Khoa, Utkin Yuri, Hoàng Ngọc Anh (2017), Nghiên cứu tác động giảm đau, kháng viêm của các phân đoạn tách từ nọc rắn cạp nong *Bungarus fasciatus* phân bố tại Vĩnh Phúc, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 21, số 1-2017; 523-530.

105. Trần Vũ Thiên, Lê Thị Thùy Trâm, Nguyễn Thị Thùy Trang, Võ Phùng Nguyên, Nguyễn Đức Tuấn, Nguyễn Trung Kiên, Phạm Nguyễn Đông Yên, Hoàng Ngọc Anh (2017), Khảo sát tác động kháng viêm và giảm đau của chế phẩm kem bôi da chứa nọc bò cạp *Heterometrus laoticus*, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 21, số 1-2017; 531-537.
106. Đỗ Thị Hoa Hương, Nguyễn Đức Tuấn (2017), Định lượng đồng thời tạp chất liên quan D và E của omeprazol bằng phương pháp HPLC-PDA, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 21, số 1-2017; 538-545.
107. Trần Hoàng Thịnh, Hà Diệu Ly, Nguyễn Đức Tuấn (2017), Xây dựng phương pháp xác định cephalixin trên bề mặt và trong nguồn nước thải của nhà máy sản xuất kháng sinh β -lactam, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 21, số 1-2017; 546-553.
108. Nguyễn Việt Tân, Nguyễn Văn Tân Minh, Trương Ngọc Tuyên, Nguyễn Đức Tuấn (2017), Tổng hợp và tiêu chuẩn hóa tạp chất L-cystin và N,N'-diacetyl-L-cystin của N-acetylcystein, Tạp chí Dược học số 7-2017; 35-40.
109. Lê Thanh Long, Nguyễn Trần Văn Anh, Chương Ngọc Nãi, Hoàng Đình Hữu Hạnh, Nguyễn Đức Tuấn (2017), Tổng hợp và xác định độ tinh khiết tạp chất liên quan 2-azaspirol[4.5]decan-3-on của gabapentin, Tạp chí Dược học số 7-2017; 60-62, 80.
110. Đặng Thị Chung Thủy, Trịnh Hoàng Dương, Hà Diệu Ly, Nguyễn Đức Tuấn (2017), Phân tích vết piperacillin trong môi trường sản xuất của nhà máy sản xuất kháng sinh piperacillin, Tạp chí Dược học số 11-2017; 17-22.
111. Lê Mỹ Phụng, Văn Kim Thành, Nguyễn Trần Văn Anh, Nguyễn Đức Tuấn (2017), Tổng hợp và tiêu chuẩn hóa tạp chất acid carboxylic clopidogrel của clopidogrel bisulfat, Tạp chí Dược học số 12-2017; 53-57.
112. Lê Thanh Long, Nguyễn Trần Văn Anh, Chương Ngọc Nãi, Nguyễn Đức Tuấn (2018), Thiết lập tạp chất đối chiếu tạp A của gabapentin; xây dựng quy trình HPLC định lượng đồng thời gabapentin, tạp A trong nguyên liệu và chế phẩm gabapentin, Tạp chí Dược học số 1-2018; 33-37.
113. Trương Trần Trang, Trần Quốc Phú, Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, Nguyễn Đức Tuấn (2018), Thiết lập tạp chất đối chiếu N-butyryl-N-{[2'-(1H-tetrazol-5-yl)biphenyl-4-yl]methyl}-L-valin (tạp B của valsartan); xây dựng quy trình định lượng tạp B trong nguyên liệu và thành phẩm valsartan, Tạp chí Dược học số 1-2018; 45-49.
114. Trần Ngọc Luân, Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, Nguyễn Đức Tuấn (2018), Xây dựng qui trình phân tích một số glucocorticoid nguy tạo trong chế phẩm dược liệu bằng phương pháp UHPLC-UV-Vis, Tạp chí Dược học số 2-2018; 41-44.
115. Nguyễn Thị Minh Phương, Nguyễn Thị Kiều Hào, Nguyễn Đức Tuấn, Trần Quốc Thanh (2018), Tối ưu hóa quy trình tổng hợp carboxymethyl-beta-cyclodextrin, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 22, số 1-2018; 216-220.
116. Nguyễn Thị Linh Tuyên, Lê Quan Nghiệm, Nguyễn Đức Tuấn (2018), Khảo sát độ ổn định viên hai lớp chứa metoprolol 50 mg phóng thích kéo dài và amlodipin 5 mg phóng thích nhanh, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 22, số 1-2018; 408-415.
117. Trần Thị Cẩm Vân, Trần Quốc Lộc, Nguyễn Đức Tuấn (2018), Xây dựng quy trình định lượng đồng thời fexofenadin và tạp A bằng phương pháp HPLC, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 22, số 1-2018; 416-425.
118. Hoàng Thị Hương, Trần Văn Thành, Nguyễn Đức Tuấn (2018), Tự đánh giá chương trình đào tạo dược sĩ đại học hệ chính quy của Khoa Dược – Đại học Y Dược TP.HCM theo tiêu chuẩn mới của AUN, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 22, số 1-2018; 426-435.
119. Huỳnh Xuân Vinh, Nguyễn Đức Tuấn (2018), Xây dựng quy trình định lượng một số chất bảo quản nhóm paraben trong chế phẩm kem bôi da bằng HPLC-PDA, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 22, số 1-2018; 436-444.
120. Trịnh Thị Phương Lan, Thái Võ Ngọc Thảo, Nguyễn Đức Tuấn, Lê Quan Nghiệm, Nguyễn Thiện Hải (2018), Nghiên cứu bào chế viên nén hai lớp phóng thích kéo dài chứa felodipin 5 mg và metoprolol 50 mg, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 22, số 1-2018; 511-520.
121. Đinh Thị Thanh Loan, Nguyễn Ngọc Khánh Thư, Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, Nguyễn Đức Tuấn (2018), Xác định dư lượng cloramphenicol, florfenicol, thiamphenicol, ofloxacin, ciprofloxacin, enrofloxacin có trong nước thải bằng phương pháp LC-MS/MS, Tạp chí Dược học số 9-2018; 7-11,15.

122. Huỳnh Phương Thảo, Nguyễn Đức Tuấn, Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ (2018), Tổng hợp và xác định độ tinh khiết của S-allyl-L-cystein, Tạp chí Dược học số 9-2018; 64-69.
123. Phạm Thị Thanh Thảo, Nguyễn Đức Tuấn (2018), Định lượng sofosbuvir trong chế phẩm bằng phương pháp quang phổ UV-Vis, HPLC và CE, Tạp chí Dược học số 11-2018; 51-56.
124. Trần Thanh Tâm, Nguyễn Đức Hạnh, Huỳnh Trần Quốc Dũng, Nguyễn Đức Tuấn (2018), Xây dựng và thẩm định quy trình định lượng pinoresinol diglucosid trong cao khô Đỗ trọng bằng phương pháp HPLC, Tạp chí Dược học số 11-2018; 60-64.
125. Nguyễn Trần Văn Anh, Lữ Thiện Phúc, Phạm Lê Ngọc Yến, Nguyễn Đức Tuấn (2018), Tổng hợp và xác định độ tinh khiết tạp chất liên quan D (ethyl 5-amino-1H-pyrazol-4-carboxylat) của alopurinol, Tạp chí Dược học số 12-2018; 32-36.
126. Trần Thị Mỹ Dung, Bùi Mỹ Hạnh, Chương Ngọc Nãi, Nguyễn Đức Tuấn (2019), Định lượng đồng thời metronidazol và spiramycin I trong huyết tương người bằng LC-MS/MS, Tạp chí Dược học số 01-2019; 17-22.
127. Trần Thanh Tâm, Nguyễn Đức Hạnh, Nguyễn Đức Tuấn (2019), Xây dựng quy trình định lượng đồng thời geniposid và pinoresinol diglucosid trong viên nén 2 thành phần Dành dành – Đỗ trọng bằng phương pháp HPLC, Tạp chí Dược học số 02-2019; 24-30.
128. Nguyễn Hữu Tiến, Trần Thị Ngọc Uyên, Chương Ngọc Nãi, Trần Việt Hùng, Trần Hữu Dũng, Nguyễn Đức Tuấn, Trương Ngọc Tuyền (2019), Tổng hợp và xác định độ tinh khiết tạp B của carvedilol, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 23, số 2-2019; 70-76.
129. Nguyễn Thị Kim Anh, Nguyễn Đức Tuấn (2019), Khảo sát sự phù hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo dược sĩ đại học của Đại học Y Dược TP. HCM với các bên liên quan ngoài, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 23, số 2-2019; 125-131.
130. Trần Thanh Tâm, Nguyễn Đức Hạnh, Huỳnh Trần Quốc Dũng, Nguyễn Đức Tuấn (2019), Xây dựng quy trình định lượng geniposid trong cao khô Dành dành bằng phương pháp HPLC, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 23, số 2-2019; 132-142.
131. Hoàng Thùy Linh, Trịnh Hữu Tùng, Đoàn Văn Tuyền, Nguyễn Hoàng Thanh Tuyền, Nguyễn Thiện Hải, Lê Quan Nghiệm, Nguyễn Đức Tuấn (2019), Thực trạng sử dụng và đặc điểm hỗn hợp pha chế dịch truyền dinh dưỡng theo đơn tại Bệnh viện Nhi Đồng 2 năm 2017, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 23, số 2-2019; 143-149.
132. Nguyễn Ngọc Nhã Thảo, Nguyễn Đức Tuấn, Trịnh Thị Thu Loan (2019), Nghiên cứu công thức viên chứa metformin hydroclorid 500 mg phóng thích kéo dài và sitagliptin 50 mg phóng thích tức thời, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 23, số 2-2019; 150-160.
133. Võ Thị Hằng Nga, Trương Ngọc Tuyền, Nguyễn Đức Tuấn (2019), Thiết lập chất đối chiếu và kiểm nghiệm tạp B và tạp C của glimepirid trong nguyên liệu và chế phẩm glimepirid, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 23, số 2-2019; 161-169.
134. Nguyễn Thị Minh Phương, Hồ Đan Thư, Nguyễn Đức Tuấn (2019), Tổng hợp dẫn xuất mono-6-amino-6-deoxy-betacyclodextrin, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 23, số 2-2019; 462-467.
135. Lưu Lệ Khanh, Bùi Trọng Phú, Nguyễn Thị Thu Hiền, Lê Đức Việt, Nguyễn Hữu Lạc Thủy, Nguyễn Đức Tuấn (2019), Xây dựng quy trình định lượng sắc tố đỏ trong Hồng hoa bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến, Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 23, số 2-2019; 685-689.
136. Võ Thị Hằng Nga, Huỳnh Phương Nguyên, Trương Ngọc Tuyền, Nguyễn Đức Tuấn (2019), Tổng hợp và xác định độ tinh khiết tạp chất liên quan glimepirid sulfonamid (tạp B) và glimepirid urethan (tạp C), Tạp chí Dược học số 03-2019; 47-53.
137. Phạm Lê Ngọc Yến, Đỗ Gia Hưng, Bùi Thị Hồng Phương, Nguyễn Đức Tuấn (2019), Tổng hợp và xác định độ tinh khiết của tạp chất liên quan D (N-[2[[[5-[(dimethylamino)methyl]-2-furanyl]methyl]thio]ethyl]-2-nitroacetamid) của ranitidin, Tạp chí Dược học số 10-2019; 13-18.
138. Đặng Vy Thảo, Lê Thị Thu Cúc, Trần Thị Mỹ Dung, Nguyễn Đức Tuấn (2019), Định lượng đồng thời atorvastatin, amlodipin, peprindopril arginin bằng phương pháp điện di mao quản, Tạp chí Dược học số 11-2019; 43-49.
139. Do Chau Minh Vinh Tho, Huynh Phuong Thao, Nguyen Duc Tuan, Andreas Zemmann (2019), Quantitative analysis of S-Allylcysteine in black garlic via Ultra-High-Performance Liquid Chromatography-Tandem Mass Spectrometry, Systematic Reviews in Pharmacy, 10(1), 161-166.

140. Nguyen Thi Linh Tuyen, Le Quan Nghiem, Nguyen Duc Tuan (2019), Simultaneous liquid chromatography-tandem mass spectrometry assay of amlodipine besylate and metoprolol succinate in human plasma: Development, validation, and application, *Systematic Reviews in Pharmacy*, 10(2), 1-7.
141. Chương Ngọc Nãi, Nguyễn Văn Trung, Trần Long Thái, Trần Thị Mỹ Dung, Trần Việt Hùng, Nguyễn Đức Tuấn (2019), Định lượng đồng thời amlodipin, losartan và chất chuyển hóa acid carboxylic losartan trong huyết tương người bằng kỹ thuật LC-MS/MS, *Tạp chí Dược học* số 12-2019; 21-29.
142. Lưu Lê Khanh, Bùi Trọng Phú, Nguyễn Hữu Lạc Thủy, Nguyễn Đức Tuấn (2020), Xây dựng quy trình định lượng carthamin trong Hồng hoa bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (*Flos carthami tinctorii*), *Tạp chí Y học Việt Nam*, 486(1&2), 35-39.
143. Đặng Vy Thảo, Nguyễn Đức Tuấn (2020), Định lượng đồng thời atorvastatin, amlodipin, peprindopril arginin bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao, *Tạp chí Dược học* số 1-2020; 31-37.
144. Hoang Thuy Linh, Trinh Xuan Tung, Trinh Huu Tung, Vo Quoc Bao, Le Thi Minh Hong, Pham Ngoc Thach, Nguyen Minh Ngoc, Luu Thanh Binh, Phan Trong Lan, Hoang Quoc Cuong, Nguyen Duc Hai, Nguyen Duy Long, Nguyen Thi Thu Phuong, Van Thi Thuy Linh, Pham Thi Mai Anh, Nguyen Thien Hai, Le Quan Nghiem, Nguyen Duc Tuan (2020), Parenteral nutrition preparation procedure: a hazard analysis and critical control points approach at a pediatric hospital in Vietnam, *Systematic Reviews in Pharmacy*, 11(1), 159-164.
145. Chuong Ngoc Nai, Nguyen Van Trung, Tran Long Thai, Nguyen Ngoc Vinh, Tran Viet Hung, Pham Van Son, Nguyen Duc Tuan (2020), Development, Validation, and Application for Simultaneous Assay of Amlodipine, Atorvastatin, and *Ortho*- and *Para*-Hydroxy Atorvastatin as Metabolites in Human Plasma by Liquid Chromatography Tandem Mass Spectrometry, *Systematic Reviews in Pharmacy* 11(1), 165-173.
146. Hoang Thuy Linh, Trinh Xuan Tung, Trinh Huu Tung, Vo Quoc Bao, Le Thi Minh Hong, Pham Ngoc Thach, Nguyen Minh Ngoc, Luu Thanh Binh, Phan Trong Lan, Hoang Quoc Cuong, Nguyen Duc Hai, Nguyen Duy Long, Nguyen Thi Thu Phuong, Van Thi Thuy Linh, Pham Thi Mai Anh, Nguyen Thien Hai, Le Quan Nghiem, Nguyen Duc Tuan (2020), Risk of microbiological contamination when preparing total parenteral nutrition for pediatric patients: A pilot study at a regional hospital in southern Vietnam, *Systematic Reviews in Pharmacy* 11(2), 1-5.
147. Nguyen Ngoc Nha Thao, Nguyen Ngoc Hieu, Do Chau Minh Vinh Tho, Trinh Thi Thu Loan, Nguyen Duc Tuan (2020), Development, Validation, and Application for Simultaneous Assay of Metformin and Sitagliptin in Human Plasma by Liquid Chromatography–Tandem Mass Spectrometry, *Systematic Reviews in Pharmacy*, 11(2), 6-13.
148. Tho Chau Minh Vinh Do, Duy Quoc Nguyen, Tuan Duc Nguyen, Phuoc Huu Le (2020), Develoment and Validation of a LC-MS/MS Method for Determination of Multi-Class Antibiotic Residues in Aquaculture and River Waters, and Photocatalytic Degradation of Antibiotics by TiO₂ Nanomaterials, *Catalysts*, 10(3), 1-19.
149. Phan Trong Lan, Hoang Quoc Cuong, Hoang Thuy Linh, Nguyen Trung Hieu, Nguyen Hoang Anh, Tran Ton, Tran Cat Dong, Vu Thanh Thao, Do Thi Hong Tuoi, Nguyen Duc Tuan, Huynh Thi Kim Loan, Nguyen Thanh Long, Cao Minh Thang, Nguyen Duc Hai, Nguyen Thi Thanh Thao (2020), Development of standardized specimens with known concentrations for severe acute respiratory syndrome coronavirus 2 Realtime-RT-PCR testing validation, *Bull World Health Organ.* 2020. E-pub: 20 April 2020. doi: <http://dx.doi.org/10.2471/BLT.20.259630>. (ISI, IF = 6.818).
150. Nguyễn Thị Minh Phương, Hồ Quốc Việt, Nguyễn Đức Tuấn (2020), Ứng dụng tác nhân đổi quang trong phân tích đồng phân ketoprofen bằng phương pháp điện di mao quản, *Tạp chí Y học TPHCM B*, 24(2), 62-67.
151. Chương Ngọc Nãi, Lê Thị Đào, Lê Nguyễn Trung Nguyên, Nguyễn Văn Trung, Trần Việt Hùng, Nguyễn Đức Tuấn (2020), Xây dựng quy trình định lượng đồng thời irbesartan và hydrochlorothiazid trong huyết tương người bằng kỹ thuật LC-MS/MS, *Tạp chí Y học TPHCM B*, 24(2), 131-141.

152. Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Thị Như Ngọc, Phan Tấn Vương, Trần Hữu Dũng, Nguyễn Đức Tuấn, Trương Ngọc Tuyền (2020), Tổng hợp và xác định độ tinh khiết tạp D của carvedilol, Tạp chí Dược học, 5, 28-32.
153. Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, Trần Hùng, Nguyễn Đức Tuấn (2020), Xây dựng quy trình định lượng đồng thời apoglaziovin, caaverin, n-methyl asimilobin trong lá sen bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao với đầu dò dây diod quang, Tạp chí Dược học, 5, 79-84.
154. Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, Phạm Đoan Vi, Trần Hùng, Nguyễn Đức Tuấn (2020), Xây dựng quy trình định lượng đồng thời alcaloid khung benzyl isoquinolin có trong tâm sen (*Plumula nelumbinis*) bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao với đầu dò dây diod quang, Tạp chí Dược học, 6, 46-50.
155. Nguyễn Thị Ngọc Dung, Nguyễn Đức Tuấn (2020), Tổng quan về lợi ích và tiềm năng của các hoạt chất sinh học từ biển ứng dụng trong công nghiệp dược phẩm, Tạp chí Y học TP HCM B, 24(3), 1-7.
156. Pham Van Son, Tran Long Thai, Chuong Ngoc Nai, Pham Thi Thanh Thao, Nguyen Duc Tuan, Tran Viet Hung, Nguyen Ngoc Vinh (2020), Simultaneous determination of phyllanthin, hypophyllanthin, and niranthin in rabbit plasma by LC-MS/MS, International Journal of Pharmaceutical Research, 12(4), 1974-1980.
157. Chuong Ngoc Nai, Nguyen Van Trung, Tran Long Thai, Tran Viet Hung, Nguyen Duc Tuan (2020), Simultaneous determination of amlodipine, losartan, and the losartan carboxylic acid active metabolite in human plasma by LC-MS/MS, 12(4), 1981-1990.

Báo cáo toàn văn đăng trong kỳ yếu hội nghị KHCN quốc gia và quốc tế

1. Nguyen Duc Tuan, Guenther Bonn (2003), Determination of primula acids in the root of primrose and pharmaceutical preparations by high performance liquid chromatography, Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Bangkok, Thailand, May 20 – 23, 2003, OP76-OP84.
2. Nguyen Duc Tuan (2003), Quantitative determination of main flavonoids and Leiocarposide in *Solidago* species by high performance liquid chromatography, Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Bangkok, Thailand, May 20 – 23, 2003, PP41-PP47.
3. Nguyen Thi Ngoc Van, Le Thi Thanh Tra, Le Thi Thu Cuc, Nguyen Ngoc Vinh, Cao Minh Quang, Nguyen Duc Tuan (2005), Micellar Electrokinetic Chromatography: perspectives in Vietnam drug analysis, the Fourth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Hochiminh city, Vietnam, November 10-13, 2005, Volume 1, 169-174.
4. Nguyen Thien Duc, Le Thi Thu Cuc, Nguyen Ngoc Vinh, Nguyen Duc Tuan (2005), Determination of enantiomeric Dexchlorpheniramine maleate in pharmaceuticals by capillary electrophoresis, the Fourth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Hochiminh city, Vietnam, November 10-13, 2005, Volume 2, 288-291.
5. Tran Kim Chau, Pham Van Son, Nguyen Duc Tuan (2005), Simultaneous determination of Stavudine, Lamivudine, and Nevirapine in human plasma by high performance liquid chromatography, the Fourth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Hochiminh city, Vietnam, November 10-13, 2005, Volume 2, 292-296.
6. Trần Quang Trí, Võ Thị Bạch Huệ, Nguyễn Ngọc Vinh, Nguyễn Đức Tuấn, Lê Thị Thu Cúc; Đánh giá tương đương sinh học viên nén bao phim Clarithromycin Stada 500 mg; Kỷ yếu công trình NCKH của Viện kiểm nghiệm thuốc TP Hồ Chí Minh - Bộ Y tế, 2007; 291-297.
7. Le Thi Thu Cuc, Tran Nguyen Quynh Trang, Nguyen Ngoc Vinh, Dang Van Tinh, Nguyen Duc Tuan (2009), Application hydroxyalkyl β -cyclodextrin as a chiral selector for separation of enantiomer of ofloxacin by capillary electrophoresis, the sixth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Hue City, Vietnam, December 15-18, 2009, 75-79.
8. Do Chau Minh Vinh Tho, Nguyen Ngoc The Tran, Nguyen Duc Tuan (2009), Simultaneous quantitative determination of paracetamol, ibuprofen, and caffeine in Dimitalgin capsules by second derivative spectrophotometry, the sixth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Hue City, Vietnam, December 15-18, 2009, 614-617.

9. Chuong Ngoc Nai, Nguyen Thi Thanh Thao, Nguyen Ngoc Vinh, Nguyen Duc Tuan, Dang Van Tinh (2009), Synthesis of new chiral N-alkyl Cis(-); Cis(+)-4-(3,4-dimethoxyphenyl) tetra- and hexahydrophthalazinone derivatives with selective PDE4 inhibitory activity, the sixth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Hue City, Vietnam, December 15-18, 2009, 676-680.
10. Le Thi Thu Cuc, Dang Van Tinh, Nguyen Duc Tuan (2011), Capillary Electrophoretic Analysis of Enantiomer Drugs with Beta-Cyclodextrin Derivatives as The Chiral Selective Agents, the seventh Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Bangkok, Thailand, December 14-16, 2011, 383-387.
11. Do Chau Minh Vinh Tho, Dinh Thi Thanh Loan, Nguyen Duc Le, Nguyen Duc Tuan, Tran Hung (2011), Study on alkaloidal constituents of lotus plumules (*Nelumbo nucifera* Gaertn.), the seventh Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Bangkok, Thailand, December 14-16, 2011, 370-374.
12. Do Chau Minh Vinh Tho, Le Ngoc Van Trang, Duong Thi Truc Ly, Nguyen Duc Tuan, Tran Hung (2011), Simultaneous Quantitative Determination of Nuciferine and Neferine in Total Alkaloids Extract from Loti Embryo (*Nelumbo nucifera* Gaertn.) by HPLC with PDA Detector, the seventh Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Bangkok, Thailand, December 14-16, 2011, 409-412.
13. Tran Quoc Thanh, Le Quan Nghiem, Huynh Van Hoa, Le Hau, Nguyen Duc Tuan (2011), Quantitative Determination of Clonidine in Transdermal Patches By High Performance Liquid Chromatography with Photodiode Array Detector, the seventh Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Bangkok, Thailand, December 14-16, 2011, 439-442.
14. Nguyen Ngoc The Tran, Trinh Thi Thu Loan, Nguyen Duc Tuan, Dang Van Giap (2011), Cause-Effect Relationships and Multi-Response Optimization for Desloratadine Syrup Formulation, the seventh Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Bangkok, Thailand, December 14-16, 2011, 509-512.
15. Nguyen Duc Tuan, Tadayuki Uno (2013), Drug binding and metabolizing properties of human cytochrome P4502C9 and its single-nucleotide polymorphism mutants, the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Ho Chi Minh City, Vietnam, December 4-5, 2013, 262-266.
16. Nguyen Thi Linh Tuyen, Nguyen Hoang Bich Tram, Le Quan Nghiem, Nguyen Duc Tuan (2013), Simultaneous determination of metoprolol and amlodipine in a multi-components pharmaceuticals by HPLC with photo diode array detector, the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Ho Chi Minh City, Vietnam, December 4-5, 2013, 267-271.
17. Nguyen Thi Minh Phuong, Hoang Thi Anh Thu, Nguyen Duc Tuan (2013), Separation of omeprazole enantiomers by capillary zone electrophoresis; Proceeding of the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, 272-276, December 4-5, 2013, Ho Chi Minh City, Vietnam.
18. Luu Thao Phuc Truong, Tran Thanh Dao, Nguyen Duc Tuan (2013), Development of a HPLC method for simultaneous quantitative determination of two meloxicam related impurities, the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Ho Chi Minh City, Vietnam, December 4-5, 2013, 302-305.
19. Do Chau Minh Vinh Tho, Nguyen Duc Tuan, Tran Hung, Markus Ganzera, Hermann Stuppner (2013), Analysis of alkaloids in lotus (*Nelumbo nucifera* Gaertn.) embryo by non-aqueous capillary electrophoresis using ultraviolet and mass spectrometric detection, the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Ho Chi Minh City, Vietnam, December 4-5, 2013, 316-321.
20. Hua Hoang Oanh, Nguyen Duc Tuan, Ha Dieu Ly, Bui The Vinh, Tran Cong Luan (2013), Establishment of reference standard taxuspine F for quality control of herbal medicinal

- products from cultivated *Taxus wallichiana*, the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Ho Chi Minh City, Vietnam, December 4-5, 2013, 328-332.
21. Luu Thao Phuc Truong, Nguyen Duc Tuan, Tran Thanh Dao (2013), Synthesis and standardization of *n*-[(2*z*)-3-ethyl-5-methyl-1,3-thiazol-2(3*h*)-ylidene]-4-hydroxy-2-methyl-2*h*-1,2-benzothiazine-3-carboxamide-1,1-dioxide as impurity D of meloxicam, Proceeding of the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Ho Chi Minh City, Vietnam, December 4-5, 2013, 333-337.
 22. Bui Truong Dinh, Tran Van Muoi, Ha Dieu Ly, Nguyen Duc Tuan (2013), Preparation of D-phenylglycine and 7-aminodesacetoxy cephalosporanic acid from cephalexin using immobilized enzyme on stearate calcium for establishing reference substances, Proceeding of the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Ho Chi Minh City, Vietnam, December 4-5, 2013, 492-496.
 23. Tran Van Muoi, Tran Linh Phuong, Ha Dieu Ly, Nguyen Duc Tuan, Dang Van Tinh (2013), Synthesis of 3-ethyl 5-methyl 2-[(2-aminoethoxy)methyl]-4-(2-chlorophenyl)-6-methylpyridine-3,5-dicarboxylate as amlodipine impurity D, Proceeding of the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Ho Chi Minh City, Vietnam, December 4-5, 2013, 531-534.
 24. Truong Quoc Ky, Nguyen Duc Tuan (2013), Study on the chemical composition of *Codonopsis tangshen*, the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Ho Chi Minh City, Vietnam, December 4-5, 2013, 909-912.
 25. Hua Hoang Oanh, Tran Ngoc Thuy Duong, Bui Thi Bich Tram, Ha Dieu Ly, Bui The Vinh, Tran Cong Luan, Nguyen Duc Tuan (2013), Isolation and identification of two taxoids from the needles of *Taxus wallichiana* Zucc. cultivated in Lam Dong province, the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Ho Chi Minh City, Vietnam, December 4-5, 2013, 917-922.
 26. Do Chau Minh Vinh Tho, Nguyen Duc Tuan, Tran Hung (2013), Isolation and structure elucidation of alkaloids in *Plumula nelumbinis* of Vietnam, the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Ho Chi Minh City, Vietnam, December 4-5, 2013, 938-943.
 27. Do Chau Minh Vinh Tho, Nguyen Duc Tuan, Tran Hung (2013), Isolation and structure elucidation of flavonoids from leaves of lotus (*Nelumbo nucifera* Gaertn.), the eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences, Ho Chi Minh City, Vietnam, December 4-5, 2013, 952-957.
 28. Tho DCMV, Tuan ND, Hung T (2015), Isolation and structure elucidation of flavonoids from Lotus (*Nelumbo nucifera*) embryo, the 1st International Conference on Pharmacy Education and Research Network of ASEAN (ASEAN PharmNET I), Bangkok, Thailand, December 2-4, 2015, 297-301.
 29. Tho DCMV, Tuan ND, Hung T (2015), Simultaneous quantitative determination of main flavonoid compounds in Lotus (*Nelumbo nucifera*) embryo by capillary zone electrophoresis, the 1st International Conference on Pharmacy Education and Research Network of ASEAN (ASEAN PharmNET I), Bangkok, Thailand, December 2-4, 2015, 302-306.
 30. Tuan NN, Diep NTT, Tuan ND (2015), Isolation of apigenin and luteolin from herb *Scutellaria barbata* D. Don, the 1st International Conference on Pharmacy Education and Research Network of ASEAN (ASEAN PharmNET I), Bangkok, Thailand, December 2-4, 2015, 328-332.
 31. Dan TLV., Tuan ND. (2015), Synthesis of (2*RS*)-2-methyl-1-nitroso-2,3-dihydro-1*H*-indole and 4-chloro-N-(2-methyl-1*H*-indol-1-yl)-3-sulphamoylbenzamide as indapamide impurities, the 1st International Conference on Pharmacy Education and Research Network of ASEAN (ASEAN PharmNET I), Bangkok, Thailand, December 2-4, 2015, 381-386.
 32. Phuong NT, Hung TQ, Tuan ND (2015), Analysis of salbutamol enantiomers by capillary zone electrophoresis with beta-cyclodextrin derivatives as chiral selective agents, the 1st

- International Conference on Pharmacy Education and Research Network of ASEAN (ASEAN PharmNET I), Bangkok, Thailand, December 2-4, 2015, 416-421.
33. Phương NT, Duy TV, Tinh DV, Tuan ND (2015), Optimization of synthetic process of methyl β -cyclodextrin as chiral selector, the 1st International Conference on Pharmacy Education and Research Network of ASEAN (ASEAN PharmNET I), Bangkok, Thailand, December 2-4, 2015, 422-427.
 34. Dinh NP, Ly HD, Tuan ND (2015), Synthesis of [2-[2-fluoro-4-(1H-1,2,4-triazol-1-yl)phenyl]-1,3-bis(1H-1,2,4-triazol-1-yl)propan-2-ol] and 1,1'-(1,3-phenylen)di(1H-1,2,4-triazol) as fluconazole impurities, the 1st International Conference on Pharmacy Education and Research Network of ASEAN (ASEAN PharmNET I), Bangkok, Thailand, December 2-4, 2015, 435-440.
 35. Duy MK, Thanh VK., Tuan ND (2015), Synthesis of p-toluensulfonamide and 2-nitrosooctahydrocyclopenta[c]pyrrole as gliclazide impurities, the 1st International Conference on Pharmacy Education and Research Network of ASEAN (ASEAN PharmNET I), Bangkok, Thailand, December 2-4, 2015, 441-446.
 36. Binh ND, Toi PV, Tuan ND (2015), Simultaneous determination of selected antiretroviral drugs in plasma samples collected from HIV-TB co-infected patients by HPLC, the 1st International Conference on Pharmacy Education and Research Network of ASEAN (ASEAN PharmNET I), Bangkok, Thailand, December 2-4, 2015, 464-469.
 37. Van Kim Thanh, Nguyen Tran Van Anh, Nguyen Duc Tuan (2017), Synthesis of 2-[4-(4-chlorobenzoyl)phenoxy]-2-methylpropanoic acid, methyl 2-[4-(4-chlorobenzoyl)phenoxy]-2-methylpropanoate, and ethyl 2-[4-(4-chlorobenzoyl)phenoxy]-2-methylpropanoate as Fenofibrate Impurities, the 2nd International Conference on Pharmacy Education and Research Network of ASEAN (ASEAN PharmNET II), Kuala Lumpur, Malaysia, November 21-22, 2017, 64-70.
 38. Truong Tran Trang, Tran Quoc Phu, Do Chau Minh Vinh Tho, Nguyen Duc Tuan (2017), Synthesis and Purity Determination of *N*-butyryl-*N*-[2'-(1*H*-tetrazole-5-yl)-biphenyl-4-yl]methyl-L-valine as Related Valsartan Impurity, the 2nd International Conference on Pharmacy Education and Research Network of ASEAN (ASEAN PharmNET II), Kuala Lumpur, Malaysia, November 21-22, 2017, 77-84.
 39. Cao Thi Thu Giang, Lam Dai Duong, Do Chau Minh Vinh Tho, Nguyen Duc Tuan (2017), Development and Validation of LC-MS/MS Method for Simultaneous Determination of Valsartan and Nifedipine in Human Plasma, the 2nd International Conference on Pharmacy Education and Research Network of ASEAN (ASEAN PharmNET II), Kuala Lumpur, Malaysia, November 21-22, 2017, 155-164.
 40. Nguyen Thi Minh Phuong, Nguyen Thi Kieu Hao, Nguyen Duc Tuan (2017), Optimization of The Synthesis of Methoxycarbonyl-*B*-Cyclodextrin as Chiral Selector, the 2nd International Conference on Pharmacy Education and Research Network of ASEAN (ASEAN PharmNET II), Kuala Lumpur, Malaysia, November 21-22, 2017, 184-190.
 41. Nguyen Thi Minh Phuong, Lam Yen Hue, Tran Quoc Thanh, Nguyen Duc Tuan (2017), Analysis of Tramadol Enantiomers by Capillary Zone Electrophoresis With *Beta*-Cyclodextrin Derivatives as Chiral Selective Agents, the 2nd International Conference on Pharmacy Education and Research Network of ASEAN (ASEAN PharmNET II), Kuala Lumpur, Malaysia, November 21-22, 2017, 191-196.
 42. Do Chau Minh Vinh Tho, Huynh HuynhAnh Thi, Nguyen Phan Hai Sam, Nguyen Trung Kien, Nguyen Duc Tuan (2017), Development of LC-MS/MS Method for Simultaneous Determination of Pepsin, Lipase, Alpha- Amylase in Human Gastric Juice, the 2nd International Conference on Pharmacy Education and Research Network of ASEAN (ASEAN PharmNET II), Kuala Lumpur, Malaysia, November 21-22, 2017, 333-343.

Số lượng công trình, kết quả nghiên cứu được áp dụng trong thực tiễn

STT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian
-----	----------------	------------------------------------	-----------

1	Xây dựng và ứng dụng các quy trình xác định dư lượng thuốc trừ sâu thuộc các nhóm clor hữu cơ, lân hữu cơ, các tổng hợp và carbamat thường sử dụng trên rau bằng phương pháp HPLC và GC	- Ba quy trình xác định dư lượng thuốc trừ sâu - Chi cục Bảo vệ thực vật TPHCM	6/2011 đến nay
2	Nghiên cứu tổng hợp một số tác nhân quang hoạt từ beta-cyclodextrin để ứng dụng trong phân tích dược chất quang hoạt bằng phương pháp điện di mao quản	- Hai quy trình tổng hợp tác nhân quang hoạt và bảy quy trình phân tích dược chất quang hoạt - Viện Kiểm nghiệm thuốc TPHCM	2/2012 đến nay
3	Xây dựng phương pháp HPLC định lượng 5-(hydroxymethyl)-2-furaldehyd trong dược liệu Đảng sâm và cao đặc Đảng sâm	- Quy trình phân tích và hồ sơ thẩm định phương pháp HPLC định lượng 5-(hydroxymethyl)-2-furaldehyd trong dược liệu Đảng sâm (<i>Radix codonopsis pilosula</i>) - Quy trình phân tích và hồ sơ thẩm định phương pháp HPLC định lượng 5-(hydroxymethyl)-2-furaldehyd trong cao đặc Đảng sâm	10/2014 đến nay
4	Nghiên cứu điều chế và tiêu chuẩn hóa một số hợp chất để làm chất đối chiếu sử dụng trong kiểm nghiệm tạp chất liên quan của thuốc	- Cung cấp tạp chuẩn captopril disulfid, tạp A và tạp B của nifedipin - Viện Kiểm nghiệm thuốc TPHCM	11/2015 đến nay

Sách, tài liệu tham khảo

1. Võ Thị Bạch Huệ, Vĩnh Định, *Hóa phân tích 2, lần xuất bản thứ 2*, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2017 (đồng tác giả tham gia biên soạn).
2. Đặng Văn Hòa, Vĩnh Định, *Kiểm nghiệm thuốc, lần xuất bản thứ 2*, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2014 (đồng tác giả tham gia biên soạn).
3. Võ Thị Bạch Huệ, *Hóa phân tích 1, lần xuất bản thứ 4*, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2014 (đồng tác giả tham gia biên soạn).
4. Nguyễn Đức Tuấn, *Kiểm nghiệm thuốc, lần xuất bản thứ 1*, nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, thành phố Cần Thơ, 2017 (chủ biên và tham gia biên soạn).
5. Nguyễn Đức Tuấn, *Giáo trình Thực tập Hóa phân tích, lần xuất bản thứ 1*, nhà xuất bản Y học TP. HCM, 2020 (chủ biên và tham gia biên soạn).

Đề tài, dự án khoa học công nghệ

Stt	Tên đề tài	Chủ nhiệm, đồng chủ nhiệm, thư ký, tham gia thực hiện chính	Cấp	Năm bắt đầu – kết thúc	Hạng
1	Nghiên cứu nâng cao	Tham gia thực hiện	Nhà nước	2000 -	Khá

	chất lượng một số chế phẩm thuốc sản xuất trong nước	chính		2005	
2	Xây dựng và ứng dụng các quy trình xác định dư lượng thuốc trừ sâu thuộc các nhóm clor hữu cơ, lân hữu cơ, cúc tổng hợp và carbamat thường sử dụng trên rau bằng phương pháp HPLC và GC	Đồng chủ nhiệm	Thành phố	2008 - 2011	Khá
3	Nghiên cứu bào chế hệ trị liệu hấp thu qua da đối với scopolamin, clonidine và captopril	Tham gia thực hiện chính	Nhà nước	2009 - 2011	Khá
4	Nghiên cứu tổng hợp một số tác nhân quang hoạt từ beta-cyclodextrin để ứng dụng trong phân tích dược chất quang hoạt bằng phương pháp điện di mao quản	Đồng chủ nhiệm	Thành phố	2010 - 2012	Xuất sắc
5	Nghiên cứu điều chế và tiêu chuẩn hóa một số hợp chất để làm chất đối chiếu sử dụng trong kiểm nghiệm tạp chất liên quan của thuốc	Chủ nhiệm	Thành phố	2014 - 2016	Khá
6	Nghiên cứu bào chế và đánh giá tương đương sinh học của viên nén bao phim chứa metoprolol 50 mg phóng thích kéo dài và amlodipin 5 mg phóng thích tức thời	Tham gia thực hiện chính	Thành phố	2016-2018	Khá
7	Nghiên cứu bào chế viên nén 2 lớp chứa metformin hydroclorid 500 mg phóng thích kéo dài và sitagliptin 50 mg phóng thích tức thời	Tham gia thực hiện chính	Thành phố	2017-2019	Khá
8	Tổng hợp, tinh chế và thiết lập một số tạp chất làm chất đối chiếu góp phần phát triển ngành công nghiệp hóa dược Việt Nam	Tham gia thực hiện chính	Nhà nước	2019 - 2020	Đang thực hiện

Đã thực hiện 41 đề tài cơ sở; đang thực hiện 2.

Hướng dẫn khoa học**Luận án tiến sĩ****Đã hướng dẫn bảo vệ thành công**

Stt	Nghiên cứu sinh	Tên đề tài	Chuyên ngành	Mã số	Cơ sở đào tạo	Năm bắt đầu – Năm kết thúc	Hướng dẫn
1	Lê Thị Thu Cúc	Nghiên cứu tổng hợp một số tác nhân quang hoạt từ β -CD để ứng dụng trong phân tích các chất quang hoạt bằng phương pháp điện di mao quản	Kiểm nghiệm thuốc	62.73.156.01	Đại học Y Dược TPHCM	2008 - 2013	Hướng dẫn chính
2	Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ	Nghiên cứu ứng dụng các phương pháp sắc ký để phân tích thành phần alkaloid và flavonoid trong sen (<i>Nelumbo nucifera</i> Gaertn Nelumbonaceae) và các chế phẩm	Kiểm nghiệm thuốc	62.73.156.01	Đại học Y Dược TPHCM	2009 - 2015	Hướng dẫn phụ
3	Chương Ngọc Nãi	Tiêu chuẩn hóa các dẫn chất quang hoạt <i>cis-n</i> -alkyl phtalazinon có tác dụng kháng viêm	Kiểm nghiệm thuốc	62.73.156.01	Đại học Y Dược TPHCM	2009 - 2015	Hướng dẫn phụ
4	Nguyễn Thị Linh Tuyền	Nghiên cứu bào chế viên phóng thích kéo dài chứa metoprolol 50 mg và amlodipin 5 mg	Công nghệ dược phẩm và bào chế	62720402	Đại học Y Dược TPHCM	2013-2018	Hướng dẫn chính
5	Nguyễn Ngọc Nhã Thảo	Nghiên cứu bào chế và đánh giá tương đương sinh học viên nén phóng thích kéo dài chứa metformin và sitagliptin	CN Dược phẩm & Bào chế thuốc	62720402	Đại học Y Dược TPHCM	2012 – 2020	Hướng dẫn phụ

Đang hướng dẫn

Stt	Nghiên cứu sinh	Tên đề tài	Chuyên ngành	Mã số	Cơ sở đào tạo	Năm bắt đầu – Năm dự kiến kết thúc	Hướng dẫn
-----	-----------------	------------	--------------	-------	---------------	------------------------------------	-----------

1	Trần Văn Mươi	Nghiên cứu tiêu chuẩn hóa một số hợp chất để làm chất đối chiếu sử dụng trong kiểm nghiệm tạp chất liên quan	Kiểm nghiệm thuốc	62.73.156.01	Đại học Y Dược TPHCM	2012 – 2019	Hướng dẫn chính
2	Nguyễn Thị Minh Phương	Ứng dụng dẫn chất quang hoạt beta-cyclodextrin để phân tích đồng phân quang học của một số dược chất bằng phương pháp điện di mao quản	Kiểm nghiệm thuốc	62.73.156.01	Đại học Y Dược TPHCM	2013 – 2020	Hướng dẫn chính
3	Hoàng Thùy Linh	Nghiên cứu kiểm soát chất lượng sản phẩm pha chế theo đơn tại bệnh viện nhi đồng thành phố	Kiểm nghiệm thuốc	62.73.156.01	Đại học Y Dược TPHCM	2017 – 2020	Hướng dẫn chính
4	Nguyễn Thị Huỳnh Trang	Tổng hợp và thiết lập tạp chất đối chiếu của candesartan cilexetil sử dụng trong kiểm nghiệm thuốc	Kiểm nghiệm thuốc	9720210	Đại học Y Dược TPHCM	2019 – 2022	Hướng dẫn chính

Các hướng dẫn nghiên cứu khác

1. Đã hướng dẫn 50 Luận văn cao học Dược; đang hướng dẫn 5.
2. Đã hướng dẫn 1 Luận văn tốt nghiệp Chuyên khoa II; đang hướng dẫn 2.
3. Đã hướng dẫn 15 Luận văn tốt nghiệp Chuyên khoa I; đang hướng dẫn 0.
4. Đã hướng dẫn 56 Khóa luận tốt nghiệp Dược sĩ; đang hướng dẫn 0.

Các hoạt động khoa học khác

1. Tham gia biên soạn Dược điển Việt Nam lần xuất bản thứ 4, thứ 5 và thứ 6.

Cập nhật ngày 14 tháng 12 năm 2020

GS.TS. Nguyễn Đức Tuấn